

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:23/2024/DS-ST  
Ngày: 13 – 6 – 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh

Ông Nguyễn Văn Ngu

**- Thư ký Tòa án:** Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 12,13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Minh T, sinh 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2024; biên bản hòa giải ngày 15/4/2024; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:*

Do quen biết từ trước ngày 20 tháng 04 năm 2023, bà Trần Ngọc D điện thoại nhờ ông H vay giúp số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), để trả nợ Ngân hàng H1 chi nhánh tỉnh S; do vợ chồng bà vay sửa chữa và xây nhà. Bà D nói rằng

thay vì cầm chiếc xe SH và chiếc điện thoại hãng A cũng đủ trả số tiền còn thiếu Ngân hàng, nhưng bà nghĩ không đáng nên tìm ông H giúp.

Bà D cũng cho ông H xem tin nhắn của Ngân hàng B phải tất toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ông H cũng tìm hiểu từ người quen để xác định số tiền Ngân hàng yêu cầu hoàn trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà vợ chồng bà đứng vay còn thiếu là đúng sự thật.

Trưa ngày 25 tháng 04 năm 2023, bà D hẹn ông H tại quán cà phê N đường P và ông H đã cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng. Kể từ ngày vay đến nay bà D đóng lãi cho ông H được 04 tháng là 10.000.000 đồng ( $4 \text{ tháng} \times 2.500.000đ = 10.000.000đ$ ) rồi ngưng không trả vốn và lãi nữa.

Sau đó ông H đến nhà gặp cha, mẹ và chồng bà D là ông Trương Minh T hứa sẽ khuyên bảo bà D trả lại số tiền vay trên, nhưng đến bà D vẫn chưa trả.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và gia đình có trách nhiệm phải trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay, còn số tiền lãi bà D đóng 4 tháng lãi suất 5% thì ông H sẽ thực hiện hoàn trả lại số tiền lãi vượt cho bà D.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2024, bị đơn bà Trần Ngọc D trình bày: Bà D thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Trọng H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), chữ ký của (giấy cho vay mượn tiền ngày 25/4/2023) bên vay tiền là của bà. Hiện tại bà D đang thất nghiệp, không có khả năng trả số tiền: 50.000.000 đồng trong một lần.

Nay theo yêu cầu ông H, bà D xin trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Ngọc D, ông Trương Minh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà D, ông T đều vắng mặt; nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/02/2024 của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Ngọc D và gia đình có trách nhiệm phải trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu

đồng), lãi tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay; còn số tiền lãi bà D đóng 4 tháng lãi suất 5% thì ông H sẽ thực hiện hoàn trả lại số tiền lãi vượt cho bà D. Trong quá trình thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Ngọc D trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Ngọc D trả lại số tiền vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có cơ sở. Vì ông H cung cấp được giấy cho vay mượn tiền của bà D ngày 25/4/2023, tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2024, bị đơn bà D đã thừa nhận có vay tiền của ông H 50.000.000 đồng và cũng thừa nhận chữ ký bên vay tiền của bà D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà D trả số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu gia đình bà D cùng trả số tiền nêu trên và cũng không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử buộc bà D có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay 50.000.000 đồng là có cơ sở. Còn đối với số tiền lãi bà D đóng cho ông H 04 tháng là 10.000.000 đồng, các bên đương sự không có yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H là có cơ sở chấp nhận. Do đó áp dụng các Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị đơn bà Trần Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền vốn vay: 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà Trần Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000 đồng của số tiền (50.000.000đ x 5% = 2.500.000 đồng).

Ông Nguyễn Trọng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông H 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000811 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H kiện bà Trần Ngọc D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bị đơn Trần Ngọc D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền vốn vay: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Trần Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Trọng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông H 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000811 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Trọng H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Ngọc D còn phải trả lãi cho ông Nguyễn Trọng H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Văn Vinh**